

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 43/2025/NQ-HĐND

Ninh Bình, ngày 09 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ tài chính
trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo
trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ
sung bởi Luật số 56/2024/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số
điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi
hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và
biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi
hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài
chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;*

*Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn một
số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo;
khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh
nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo;
công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và
hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;*

*Căn cứ Thông tư số 27/2018/TT-BTC quy định chế độ tài chính cho hoạt
động tổ chức Giải thưởng sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam, Hội thi sáng
tạo kỹ thuật và Cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng;*

Căn cứ Thông tư số 45/2019/TT-BTC quy định quản lý tài chính thực hiện Đề án "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 35/2021/TT-BTC quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Thông tư số 75/2021/TT-BTC quy định về quản lý tài chính thực hiện chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 181/TTr-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ tài chính trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định một số chính sách hỗ trợ tài chính trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chính sách hỗ trợ tài chính trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 09 tháng 12 năm 2025.
2. Các Nghị quyết sau hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 77/2022/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ tài chính trong hoạt động khoa học, công nghệ và hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Nam Định;

b) Nghị quyết số 123/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình hỗ trợ đăng ký bảo hộ, phát triển tài sản trí tuệ, triển khai hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đến năm 2025.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các

Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XV, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục kiểm tra VB và QLXLVPHC-Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 3;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Ninh Bình;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Lưu: VT. 

CHỦ TỊCH



Lê Quốc Chỉnh



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Một số chính sách hỗ trợ tài chính trong hoạt động khoa học, công nghệ
và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 43/2025/NQ-HĐND)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định một số chính sách hỗ trợ tài chính trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Áp dụng đối với các cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, hợp tác xã, làng nghề, hội, hiệp hội, tổ chức và cá nhân (Sau đây gọi là các tổ chức và cá nhân) có hoạt động liên quan trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

2. Đối với nội dung quy định tại Điều 8 Quy định này, đối tượng áp dụng là: các cá nhân, nhóm cá nhân có dự án khởi nghiệp quy định tại Mục II Điều 1 Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”; doanh nghiệp khởi nghiệp quy định tại Điều 20 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Những nội dung không quy định tại Quy định này được thực hiện theo các văn bản pháp lý có liên quan.

Điều 3. Điều kiện hỗ trợ

Các tổ chức, cá nhân được hưởng chính sách hỗ trợ từ Quy định này phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau:

1. Đang hoạt động sản xuất, kinh doanh và tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành của nhà nước.

2. Không nằm trong các chương trình, dự án, kế hoạch khác và đang được ngân sách nhà nước hỗ trợ đối với các nội dung được hỗ trợ quy định tại Quy định này.

Chương II

NỘI DUNG VÀ MỨC HỖ TRỢ

Điều 4. Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn; quy chuẩn kỹ thuật; hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng; công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh

1. Hỗ trợ 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/ doanh nghiệp xây dựng, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng cơ bản, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng đặc thù cho ngành, lĩnh vực, tiêu chuẩn về các hệ thống quản lý mới được công bố.

2. Hỗ trợ 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp xây dựng và áp dụng các công cụ cải tiến nâng cao năng suất chất lượng cơ bản, áp dụng các công cụ cải tiến năng suất chất lượng đặc thù cho ngành, lĩnh vực, tiêu chuẩn về các hệ thống quản lý mới được công bố.

3. Hỗ trợ 20 triệu đồng/sản phẩm/năm/doanh nghiệp có sản phẩm, hàng hóa được chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn quốc tế.

4. Hỗ trợ 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, môi trường, năng lượng, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế.

5. Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, cụ thể:

a) Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, áp dụng thực hành nông nghiệp tốt (G.A.P), thực hành sản xuất nông nghiệp hữu cơ, năng suất xanh nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng.

b) Hỗ trợ 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp chứng nhận hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế.

6. Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để thiết lập, tối ưu hóa, hiện đại hóa hệ thống quản trị doanh nghiệp; áp dụng tiêu chuẩn, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng.

Điều 5. Hỗ trợ các hoạt động bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ

1. Đăng ký bảo hộ đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới:

a) Đối với đăng ký bảo hộ trong nước:

Đối với đơn đăng ký bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích và đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới: 30 triệu đồng/đơn;

Đối với đơn đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu: 15 triệu đồng/văn bằng bảo hộ.

b) Đối với đăng ký bảo hộ ở nước ngoài cho các đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này: 60 triệu đồng/đơn được chấp nhận hợp lệ, các văn bản tương ứng theo quy định của tổ chức quốc tế hoặc quốc gia nộp đơn.

2. Hỗ trợ kinh phí tổ chức trưng bày, triển lãm phân biệt sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và sản phẩm xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ các khoản chi phí thuê mặt bằng (bao gồm cả chi phí điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ); chi phí vận chuyển và thiết kế, dàn dựng gian hàng; chi phí hoạt động chung của Ban tổ chức (trang trí tổng thể, lễ khai mạc, bế mạc, in ấn tài liệu và các chi phí khác liên quan); chi công chuyên gia xác định, lựa chọn sản phẩm, tra cứu đánh giá sản phẩm được bảo hộ và xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Mức hỗ trợ tối đa không quá 10 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

3. Hỗ trợ thiết kế kênh thông tin điện tử, hệ thống nhận diện thương hiệu cho sản phẩm: 40 triệu đồng/tổ chức hoặc cá nhân.

Điều 6. Hỗ trợ tham gia Giải thưởng Chất lượng quốc gia, Giải thưởng Chất lượng quốc tế, các giải thưởng khoa học và công nghệ, các giải thưởng bình chọn về chất lượng và thương hiệu, các hội chợ triển lãm liên quan đến lĩnh vực khoa học và công nghệ

1. Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng hồ sơ, chi phí tham gia Giải thưởng Chất lượng quốc gia, Giải thưởng Chất lượng quốc tế:

a) Mức hỗ trợ 25 triệu đồng/cơ sở đạt giải thưởng chất lượng quốc gia.

b) Mức hỗ trợ 30 triệu đồng/cơ sở đạt giải thưởng chất lượng quốc tế.

2. Hỗ trợ chi phí xây dựng hồ sơ và chi phí tham gia các giải thưởng khoa học và công nghệ, các giải thưởng bình chọn về chất lượng và thương hiệu:

a) Mức hỗ trợ 15 triệu đồng/cơ sở đạt các giải thưởng về khoa học và công nghệ.

b) Mức hỗ trợ 20 triệu đồng/cơ sở đạt các giải thưởng bình chọn về chất lượng và thương hiệu.

3. Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng hồ sơ, chi phí tham gia các hội chợ triển lãm liên quan đến lĩnh vực khoa học và công nghệ:

a) Mức hỗ trợ 20 triệu đồng/cơ sở/lần tham gia Chợ công nghệ và thiết bị hoặc Hội chợ triển lãm tổ chức tại Việt Nam.

b) Mức hỗ trợ 45 triệu đồng/cơ sở/lần tham gia Chợ Công nghệ và Thiết bị hoặc Hội chợ triển lãm tổ chức tại nước ngoài.

Điều 7. Hỗ trợ đổi mới, tiếp nhận chuyển giao công nghệ

1. Hợp đồng tư vấn xây dựng, thiết lập và đăng ký Hợp đồng chuyển giao công nghệ tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền được hỗ trợ với mức 50% giá trị hợp đồng tư vấn, nhưng tối đa không quá 10 triệu đồng/hồ sơ đăng ký chứng nhận Hợp đồng chuyển giao công nghệ.

2. Đối với hoạt động đổi mới công nghệ, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, hoàn thiện công nghệ có chi phí dưới 500 triệu đồng được hỗ trợ đến 25% giá trị phần công nghệ được đổi mới, cải tiến, áp dụng giải pháp hợp lý hóa sản xuất, hoàn thiện theo dự toán đã được thẩm định phê duyệt, nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng.

Điều 8. Hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo

1. Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức tham gia sự kiện ngày hội đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, tham gia hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại: Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức trong nước và không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức ở nước ngoài.

2. Hỗ trợ tổ chức các sự kiện ngày hội đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh

a) Kinh phí thuê địa điểm tổ chức sự kiện, chi thông tin tuyên truyền về sự kiện và chi phí hoạt động chung của Ban tổ chức sự kiện (trang trí tổng thể, lễ khai mạc, bế mạc, in ấn tài liệu và các chi phí khác liên quan): Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý tài chính thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” (sau đây gọi tắt là Thông tư số 45/2019/TT-BTC)

b) Kinh phí chi tiếp các đoàn khách mời; tổ chức hội nghị, hội thảo trong thời gian tổ chức sự kiện theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị; mức chi tiếp khách trong nước, chi tiếp khách nước ngoài và chi tổ chức các hội nghị quốc tế tại Việt Nam của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình.

c) Tổ chức cuộc thi đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Bình:

Chi giải thưởng cho các tổ chức, cá nhân đạt giải tại cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cấp tỉnh tổ chức:

Giải nhất: 40 triệu đồng/giải

Giải nhì: 32 triệu đồng/giải

Giải ba: 24 triệu đồng/giải

Giải khuyến khích: 08 triệu đồng/giải

Các nội dung chi tổ chức xét chọn, chi họp Hội đồng giám khảo, chi thù lao đối với thành viên Ban Tổ chức và Ban Thư ký trong thời gian tổ chức cuộc thi: Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 27/2018/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính cho hoạt động tổ chức Giải thưởng sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam, Hội thi sáng tạo kỹ thuật và Cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng.

3. Hỗ trợ phát triển hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực và dịch vụ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 45/2019/TT-BTC.

4. Hỗ trợ phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 45/2019/TT-BTC.

5. Hỗ trợ hoạt động truyền thông về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: Thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 45/2019/TT-BTC.

6. Hỗ trợ hoạt động kết nối mạng lưới khởi nghiệp

a) Hỗ trợ kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo để kết nối các mạng lưới khởi nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp, đầu tư mạo hiểm ở trong nước, với khu vực và thế giới: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình.

b) Hỗ trợ kinh phí thuê chuyên gia kết nối các mạng lưới khởi nghiệp, sự kiện khởi nghiệp, kết nối với các chuyên gia khởi nghiệp trong khu vực và trên thế giới: Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 45/2019/TT-BTC.

7. Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

a) Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trả tiền công lao động trực tiếp:

Nhiệm vụ hỗ trợ được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định về việc ban hành định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tỉnh Ninh Bình có sử dụng ngân sách nhà nước.

Thời gian hỗ trợ: Tối đa không quá 01 năm/doanh nghiệp.

Số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ: Tối đa không quá 10 doanh nghiệp/năm.

b) Hỗ trợ kinh phí sử dụng dịch vụ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (gồm: đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp; marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; khai thác, thông tin công nghệ, sáng chế; thanh toán, tài chính; đánh giá, định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ; tư vấn pháp lý, sở hữu trí tuệ, đầu tư, thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ): Mức kinh phí hỗ trợ tối đa không quá 80.000.000 đồng/doanh nghiệp.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Kinh phí hỗ trợ

Nguồn kinh phí thực hiện từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Những tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo Nghị quyết số 77/2022/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ tài chính trong hoạt động khoa học, công nghệ và hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Nam Định và Nghị quyết số 123/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình hỗ trợ đăng ký bảo hộ, phát triển tài sản trí tuệ, triển khai hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đến năm 2025, nếu nộp hồ sơ trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại các Nghị quyết trên địa bàn tỉnh trước sắp xếp.

2. Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, ngoài được hưởng các chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này, còn được hưởng các chính sách hỗ trợ khác theo quy định tại Nghị định 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó./.